

Tập 60

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang tám mươi:

(Sớ) Chánh Định Tụ giả, giản dị tà định, bất định.

(疏) 正定聚者，揀異邪定不定。

(Sớ: “Chánh Định Tụ” nhằm phân biệt [Định này] khác với tà định và bất định).

Đoạn văn này nhằm giải thích cho chúng ta biết: Bồ Tát muốn tự hành và hóa độ người khác ắt phải thành tựu định lực. Ở đây, định lực được gọi là Chánh Định Tụ. Tiếp theo đó, đại sư giải thích: Trong Thiền Định có chánh định và tà định; bất định chẳng cần phải nói tới. Tà định là gì? Phật pháp nói có nhiều thứ Định. Hễ tương ứng với tự tánh thì là chánh định, chẳng tương ứng với tự tánh là tà định. Dùng tiêu chuẩn này để phân biệt, để vạch giới hạn rạch ròi, chúng ta sẽ thấy chẳng khó hiểu lắm! So với những điều đã nói trên đây, so sánh giữa Thiền Định thế gian và Thiền Định xuất thế gian thì Thiền Định thế gian chẳng phải là chánh định. So sánh định xuất thế gian của hàng Tiểu Thừa và định của hàng Đại Thừa thì định của hàng Tiểu Thừa chẳng được coi là chánh định. Đây là nói theo cách so sánh. Phạm phu (tức là ngoại đạo) cũng có định, nhưng công phu Thiền Định ấy có thứ do họ tu được, có thứ do quỷ thần hay ma dựa thân khiến họ tợ hồ cũng có những năng lực hiện hữu. Chúng ta đọc kinh Lăng Nghiêm thấy có năm mươi thứ Âm Ma, chúng ta có thể hiểu được [chuyện này]. Kinh đã nói rất rõ: Nếu ma rời khỏi, năng lực Định Huệ của kẻ ấy mất ngay! Do ma gia trì nên kẻ ấy có năng lực đó. Những thứ ấy đều là định của tà ma, ngoại đạo, chẳng thuộc về chánh pháp.

Nói theo pháp thế gian, Tứ Thiền Bát Định vẫn được coi là chánh định, nhưng nói theo pháp xuất thế gian, chẳng thể coi [Tứ Thiền Bát Định] là chánh định thật sự được! “Chánh định” được nói ở đây chẳng bị thoái chuyển. Chúng ta biết Tứ Thiền Bát Định vẫn còn bị thoái chuyển, vẫn bị mất đi. Do điều này có thể biết: Định được nói ở đây mức độ thấp nhất cũng là Cửu Thứ Đệ Định được chứng bởi Tiểu Thừa Tứ Quả La Hán. Do vì đặc Định này, từ đây trở đi, vị ấy không bị thoái chuyển. Vì thế, nói nghiêm ngặt, Chánh Định Tụ phải lấy điều sau đây làm tiêu chuẩn: Người ấy (tức người đắc Chánh Định Tụ) không bị thoái chuyển!

(Sớ) Sơ Tâm tiến thoái vị định.

(疏) 初心進退未定。

(Sớ: Hàng Sơ Tâm tiến lùi bất định).

Trong phần trên đã giải thích Sơ Tâm khá nhiều, kể cả các địa vị Thập Tín Bồ Tát trong Viên Giáo cũng đều thuộc loại “*Sơ Tâm tiến thoái vị định*”. Xét theo tiêu chuẩn này, Chánh Định Tự nhất định phải kiến tánh; chẳng kiến tánh thì vẫn chưa thể coi là Chánh Định Tự. Tiêu chuẩn này khá cao, cao hơn A La Hán rất nhiều!

(Sớ) Kim sanh An Dưỡng, vô luận cao hạ, giai bất thoái chuyển cố.

(疏) 今生安養，無論高下，皆不退轉故。

(Sớ: Nay [những người] sanh về An Dưỡng, bất luận [phẩm vị] cao hay thấp đều là bất thoái chuyển).

Đây là pháp môn rất đặc biệt. Xét theo hết thầy kinh giáo để nói, Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Viên Giáo, toàn viên, tức là viên mãn trọn vẹn. Bộ kinh này được một phần viên, rất nhiều chỗ lý luận và cảnh giới hoàn toàn giống như kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm được gọi là Đại Bất Khả Tư Nghị Kinh, kinh này được gọi là Bất Khả Tư Nghị Công Đức, quả thật có lý lắm! Tiếp theo đây là lời giải thích ý nghĩa chữ Tự.

(Sớ) Tự giả, hội dã, tức văn trung “chư thượng thiện nhân” chi hội.

(疏) 聚者會也，即文中諸上善人之會。

(Sớ: “Tự” là họp lại, tức là các vị thượng thiện nhân nhóm họp lại như trong kinh văn đã nói).

Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới chúng ta khác nhau. Trong thế giới của chúng ta, có người đắc công phu Thiền Định, có người chưa đạt được. Người đắc thì ít, kẻ chưa đắc đông đảo. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều đắc. Nói cách khác, ai nấy đều viên chứng ba thứ Bất Thoái; do vậy mới gọi là “*thượng thiện tự hội*”.

(Sớ) Kim vị nhập thử tự trung.

(疏) 今謂入此聚中。

(Sớ: Nay nói “nhập trong Tụ ấy”).
Tức là dự vào bọn họ, tụ họp với họ.

(Sớ) **Kiến Phật văn pháp cố.**

(疏) 見佛聞法故。

(Sớ: Do thấy Phật, nghe pháp).

Do đây có thể biết: Nay chúng ta tu hành ở nơi đây, quả thật đều là công phu dự bị. Khi nào chúng ta mới thật sự bắt đầu tu hành? Nhất định là đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới thật sự bắt đầu tu hành. Kinh văn trong phần trước có nói “*phàm phu vô lực*”, tức là không có năng lực, cũng là nói về hàng Sơ Tâm Bồ Tát, “*duy ưng chuyên niệm A Di Đà Phật, sử thành tam-muội*” (chỉ nên chuyên niệm A Di Đà Phật khiến cho tam-muội thành tựu), tam-muội là nhất tâm bất loạn, “*lâm chung chánh niệm, quyết định vãng sanh, kiến Phật đắc Nhẫn, hoàn lai tam giới cứu độ chúng sanh*” (lâm chung chánh niệm, quyết định vãng sanh, thấy Phật, đắc Nhẫn, trở về tam giới cứu độ chúng sanh), mấy câu này hết sức khẩn yếu, chỉ dạy chúng ta mục tiêu và phương hướng để nỗ lực cả một đời này. Ở đây lại nói “*kiến Phật, văn pháp*” (thấy Phật, nghe pháp).

(Sớ) **Lục tâm đọa lạc giả.**

(疏) 六心墮落者。

(Sớ: Bậc Lục Trụ đọa lạc là...)

“Lục tâm đọa lạc” là gì? Ở đây có một câu chuyện cũ đáng cho chúng ta kiêng dè.

(Sớ) **Thân Tử phát Bồ Tát tâm.**

(疏) 身子發菩薩心。

(Sớ: Ngài Xá Lợi Phát phát Bồ Tát tâm).

“Thân Tử” là ngài Xá Lợi Phát. Tôn giả Xá Lợi Phát thị hiện làm Tiểu Thừa A La Hán. Hàng Tiểu Thừa không có Bồ Đề tâm, Ngài đột nhiên phát tâm hồi Tiểu hướng Đại, muốn tu Bồ Tát đạo, phát đại tâm.

(Sớ) **Dĩ chứng Biệt Giáo Lục Trụ.**

(疏) 已證別教六住。

(Sớ: Đã chứng địa vị Lục Trụ trong Biệt Giáo).

Chữ “*lục tâm*” có ý nghĩa này: Ngài đã chứng đắc địa vị Lục Trụ trong Biệt Giáo. Địa vị Thất Trụ trong Biệt Giáo mới bất thoái. Địa vị Thất Trụ trong Biệt Giáo bằng với Thất Tín trong Viên Giáo, đến khi ấy mới Bất Thoái. Ngài ở địa vị Lục Trụ, còn chưa đạt đến địa vị Thất Trụ.

(Sớ) Nhân phùng khát nhãn, toại thoái đại tâm, trầm luân ngũ đạo.

(疏) 因逢乞眼，遂退大心，沈淪五道。

(Sớ: Do gặp kẻ xin mắt bèn thoái thất đại tâm, trầm luân trong năm đường).

Sách Diễn Nghĩa chú giải [chuyện này] đơn giản như sau:

(Diễn) Dĩ chứng Lục Trụ giả, Biệt Giáo Thất Trụ phương danh Bất Thoái, kim chỉ chứng đệ lục, cố thượng hữu thoái duyên. Nhân phùng khát nhãn giả, Thân Tử nhân trung phát Đại Thừa tâm, nhân Thiên Đế hóa tác Bà La Môn, vị chi khát nhãn, Thân Tử dữ chi, Bà La Môn tức khí địa tiền đạp, do thị thoái thất đại tâm.

(演) 已證六住者，別教七住方名不退，今止證第六，故尚有退緣。因逢乞眼者，身子因中發大乘心，因天帝化作婆羅門，為之乞眼，身子與之，婆羅門即棄地踐踏，由是退失大心。

(Diễn: “Đã chứng Lục Trụ”: Thất Trụ trong Biệt Giáo mới gọi là Bất Thoái, nay chỉ chứng Lục Trụ, nên còn có duyên thoái thất. “Do gặp kẻ xin mắt”: Ngài Thân Tử trong lúc tu nhân, phát tâm Đại Thừa. Do Thiên Đế hóa làm Bà La Môn xin thí mắt, ngài Thân Tử tặng cho, Bà La Môn liền vứt xuống đất, giày xéo; do vậy, ngài Thân Tử thoái thất đại tâm).

Có câu chuyện xưa như vậy, quý vị nhất định phải hiểu rõ: Quý vị phát tâm hành Bồ Tát đạo, sẽ có những người cố ý đến làm khó dễ. Thật ra, những người đến làm khó dễ thường chẳng phải là người đơn giản. Ngài [Xá Lợi Phất] vừa phát đại Bồ Đề tâm, Đế Thích Thiên (Đao Lợi Thiên Chúa) hóa thân đến khảo nghiệm xem Ngài phát tâm rốt cuộc là thật hay giả. Vừa bị khảo liền thất bại, không chịu đựng nổi khảo nghiệm!

Nếu Ngài biết là Đạo Lợi Thiên Chúa đến khảo nghiệm, Ngài sẽ chẳng ngã lòng, nhưng Ngài đâu có biết! Đạo Lợi Thiên Chúa biến thành một vị Bà La Môn, làm một vị Bà La Môn [vừa thoát nhìn đã] cảm thấy [ông ta] hết sức đau khổ. Tôn giả Xá Lợi Phất gặp ông ta trên đường, bèn hỏi: “Ông gặp khó khăn gì, sao mà khổ sở đến thế?” Ông ta đáp: “Trong nhà tôi có người bệnh đáng thương vô cùng. Hiện thời đã tìm được một vị thầy thuốc hiếm có. Thầy thuốc kê toa cần phải dùng thứ dẫn thuốc¹, nhưng thứ dẫn thuốc ấy quá khó tìm. Tôi không có cách nào; do vậy, suốt ngày từ sáng đến tối chau mày nhăn mặt”. Tôn giả lại hỏi: “Thứ dẫn thuốc gì vậy?” Ông ta nói: “Phải tìm tròng mắt của một người thật sự tu đạo để làm thứ dẫn thuốc”. Tôn giả nói: “Chuyện ấy chẳng khó! Tôi là người thật sự tu đạo, tôi bỏ một mắt để ông làm thứ dẫn thuốc”, liền móc một con mắt trao cho ông ta.

Móc tròng mắt ra rồi, Bà La Môn nói: “Lão nhân gia làm rồi, thứ dẫn thuốc tôi cần nhất định phải là con mắt bên trái, ông móc con mắt bên phải, đáng tiếc! Tôi chẳng thể dùng được”. Tôn giả Xá Lợi Phất lại nói: “Sao ông chẳng nói sớm? Nói sớm thì tôi chỉ mù một mắt, vẫn còn một con mắt. Nay ông hại tôi đến nỗi cả hai con mắt đều mù”. Không có cách nào, móc nốt con mắt trái ra. Móc xong, chẳng còn con mắt nào. Bà La Môn cảm tròng mắt, ngửi một cái: “Con mắt này không được! Quá tệ”, vứt xuống đất, giày xéo, không cần tới nữa! Tôn giả Xá Lợi Phất vừa nghe, tâm suy nghĩ: “Bồ Tát đạo khó hành, kể như xong, ta vẫn tu Tiểu Thừa vậy”. Từ Bồ Tát đạo lùi xuống lại lui về Tiểu Thừa. Do vậy, Bồ Tát đạo thật sự khó hành, khó nhẫn, mà có thể nhẫn được, khó hành mà có thể hành được! Chẳng phát tâm thì thôi, hễ phát tâm sẽ có thiên thần, quỷ thần đến khảo nghiệm quý vị. Nếu quý vị chẳng chân chánh phát tâm, nhất định sẽ thoái chuyển. Thật sự phát tâm, tâm người ấy thanh tịnh. Trong thuận cảnh nhất định chẳng sanh lòng hoan hỷ, trong nghịch cảnh chẳng sanh lòng sân hận, tâm ấy vĩnh viễn là thanh tịnh, từ bi, thật sự tu Bồ Tát đạo.

Sở câu của Bồ Tát là cầu phước, cầu huệ. Trong pháp môn Niệm Phật, quý vị phải nhớ kỹ: Cầu huệ thì huệ sanh từ tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ. Phước đức do đâu mà có? Phước đức

¹ Nguyên văn “*dược dẫn tử*”: Theo y học Trung Quốc, có những món thuốc cần phải có một thứ dược liệu phụ có tác dụng dẫn dược lực của món thuốc chánh yếu đi vào đúng kinh lạc và bộ vị đang bị bệnh, cũng như tăng cường hiệu quả của môn thuốc chánh, hoặc có tác dụng giải bớt độc tách, bảo vệ ruột gan của bệnh nhân. Món thuốc phụ ấy sẽ gọi là “*dược dẫn tử*”. Chất dẫn thuốc đa số là rượu, nước muối, mật ong, nước cơm chắt, nước gạo rang, nước đường, nước gừng, nước cam thảo v.v...

sanh từ tâm từ bi. Vì vậy, thanh tịnh, từ bi là phước huệ song tu. Thế nhưng thanh tịnh và từ bi đều phải lấy tâm bình đẳng làm cơ sở. Quý vị suy nghĩ: Nếu tâm chẳng bình đẳng, chắc chắn chẳng thanh tịnh. Nếu quý vị muốn thật sự thanh tịnh, nhất định phải tu bình đẳng trước, oán thân bình đẳng, sau đây tâm mới thanh tịnh, trí huệ mới tăng trưởng. Tâm thanh tịnh đối đãi với người khác sẽ là đại từ đại bi, cho nên có thể sanh ra vô lượng phước đức. Một người thật sự phát tâm tu hành nhất định phải nắm được cương lĩnh tu hành này, có như thế thì mới có thể thật sự thành tựu.

(Sớ) Trần kiếp Thanh Văn già, hữu u Đại Thông Phật thế phát tâm, giai nhân thoái Đại, trần điểm kiếp lai, đọa Thanh Văn vị. Cổ kinh vân: “Ngư tử, Am La hoa, Bồ Tát sơ phát tâm, tam sự nhân trung đa, cập kỳ kết quả thiểu”.

(疏) 塵劫聲聞者，有於大通佛世發心，皆因退大，塵點劫來，墮聲聞位，故經云：魚子菴羅華，菩薩初發心，三事因中多，及其結果少。

(Sớ: “Trần kiếp Thanh Văn”: Có những vị phát tâm vào thời Đại Thông Phật, đều vì thoái thất tâm Đại Thừa mà trong kiếp số nhiều như vì trần vẫn đọa trong địa vị Thanh Văn. Vì thế, kinh nói: “Cá con, bông hoa xoài, Bồ Tát sơ phát tâm, ba chuyện, nhân thật nhiều, kết quả quá ít ỏi”).

Đây là nói hàng Tiểu Thừa quá nửa không có cách gì phát tâm tu Bồ Tát đạo. Trong các vị A La Hán, có nhiều vị đã phát tâm từ thời Đại Thông Phật. Vào thời Đại Thông Như Lai, Thích Ca Mâu Ni Phật mới phát tâm học Phật, lão nhân gia đã thành Phật, nhưng những người tu hành cùng lúc với Ngài, còn có nhiều người mãi cho đến hiện tại vẫn thuộc địa vị Thanh Văn, vẫn là Tiểu Thừa A La Hán, nguyên nhân là vì ngã lòng, giống như ngài Xá Lợi Phất đã thị hiện. Bồ Tát đạo thật sự khó hành. Vì thế, trong kinh mới có mấy câu như thế này: “*Ngư tử, Am La hoa, Bồ Tát sơ phát tâm, tam sự nhân trung đa, cập kỳ kết quả thiểu*”. Cá mỗi lần đẻ trứng đến mấy chục vạn, thật sự có thể phát triển thành cá cũng bất quá vài con mà thôi. La Hán phát tâm tu Bồ Tát đạo cũng giống như thế: Người phát tâm rất nhiều, người thật sự có thể trở thành Bồ Tát như lông phượng, vảy lân, quá ít ỏi! Vì sao? Quý vị phải đột phá tầng tầng lớp lớp các cửa ải khó khăn, bất luận thử thách như thế nào cũng chẳng ngăn trở quý vị, quyết định chẳng ngã lòng, như vậy thì mới có thể thành công. Nói đến

niệm Phật, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ so với phát Bồ Đề tâm quả thật dễ dàng hơn rất nhiều. Một câu Phật hiệu, trong một đời này, chúng ta thật sự có thể trì đến mức chẳng thoái thất [thì người làm được như vậy] cũng không nhiều! Nếu chẳng lui sụt, giống như trong phần trên chúng tôi đã nói “*chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp*”, chắc chắn vãng sanh trong một đời này! Gián đoạn, xen tạp là thoái tâm. Chuyện này cũng đáng đề cho chúng ta cảnh tỉnh, dè chừng!

Tôi nhớ vào dịp Tết năm nọ, thầy Lý khai thị cho mọi người tại Liên Xã, vừa mở đầu, thầy nói: “Tết đến mọi người gặp nhau vui sướng tràn trề. Câu chào hỏi đầu tiên khi gặp mặt là cung hỷ phát tài; suy nghĩ cẩn kẽ, có chuyện gì đáng mừng? Thọ mạng ít đi một năm, nghiệp chướng lại tăng thêm không ít. Nói nghiêm ngặt là bi ai, có gì đáng mừng đâu? Người thế gian điên đảo, lầm loạn, coi chuyện đáng buồn là đáng mừng, quên sạch sành sanh chuyện thật sự đáng mừng. Nếu chúng ta mỗi năm một nhật bớt chuyện tình cảm thế gian, đạo niệm mỗi năm một nồng hậu hơn, đó là đáng mừng! Vẫn tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, chẳng nghĩ một câu Phật hiệu là chuyện đáng nên làm thì có gì đáng mừng đâu!” Người niệm Phật lui sụt nhiều, thành tựu ít ỏi, đạo lý là như vậy đó!

(Sớ) Dẫn thử dĩ minh Sơ Tâm Bồ Tát, do nghi thân cận Như Lai, đắc sở y quy, chung vô thoái chuyển cố.

(疏)引此以明初心菩薩，猶宜親近如來，得所依歸，終無退轉故。

(Sớ: Dẫn điều này để chỉ rõ: Sơ Tâm Bồ Tát vẫn phải nên thân cận Như Lai hòng có chỗ nương về, trọn chẳng thoái chuyển).

Ý nghĩa của nhân duyên thứ năm khiến đức Phật nói kinh này là đây. Chúng ta nghe xong, mức độ thấp nhất là chúng ta chớ nên thoái chuyển đối với câu Phật hiệu này. Bồ Đề tâm thật sự có thể thoái chuyển, hy vọng câu Phật hiệu đừng bị thoái chuyển, hy vọng ý niệm vãng sanh chẳng bị mất đi. Có như vậy thì mới có thể “*thân cận Như Lai, đắc sở y quy, chung vô thoái chuyển*”. Chúng ta và Sơ Tâm Bồ Tát chẳng khác gì nhau!

(Huyền Nghĩa) Cố tri niệm Phật, Bồ Tát chi phụ, sanh dục Pháp Thân.

(玄義)故知念佛，菩薩之父，生育法身。

(Huyền Nghĩa: Vì thế, biết niệm Phật là cha của Bồ Tát sanh thành Pháp Thân).

Nhục thân của chúng ta do cha mẹ mà có, Pháp Thân của chúng ta do đâu mà có? Do niệm Phật mà có!

(Sớ) Bồ Tát phụ giả, Hoa Nghiêm thập nhất kinh, Oai Quang đồng tử đồ Như Lai tướng hoạch thập chủng ích, thủ vân: Đắc Niệm Phật tam-muội, danh Vô Biên Hải Tạng môn.

(疏)菩薩父者，華嚴十一經，威光童子睹如來相獲十種益，首云得念佛三昧，名無邊海藏門。

(Sớ: “Cha của Bồ Tát”: Theo cuốn mười một của kinh Hoa Nghiêm, Oai Quang đồng tử trông thấy tướng của Như Lai bèn đạt được mười thứ lợi ích, thứ đầu tiên là đắc môn Niệm Phật tam-muội có tên là Vô Biên Hải Tạng môn).

“*Hoa Nghiêm thập nhất kinh*” là quyển thứ mười một của bộ kinh [Bát Thập] Hoa Nghiêm. Trong quyển ấy nói về Đại Oai Quang đồng tử². Liên Trì đại sư dẫn đoạn kinh văn này nhằm chứng minh Sơ Tâm Bồ Tát hãy nên thân cận Như Lai.

² Đây chính là phẩm thứ sáu, tức phẩm Tỳ Lô Giá Na trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường. Ngài Đại Oai Quang khi ấy là Thái Tử của vua Hỷ Kiến Thiên Huệ đến đạo tràng Ma Ni Hoa Chi Luân, thấy sức thần thông của Ba La Mật Thiện Nhân Trang Nghiêm Vương Như Lai mà được mười thứ lợi ích. Kinh chép: “*Chư Phật tử! Các ông nên biết trong kiếp Đại Trang Nghiêm ấy có Hằng hà sa số tiểu kiếp, con người thọ hai tiểu kiếp. Chư Phật tử! Đức Nhất Thiết Công Đức Tu Di Thắng Vân Phật thọ mạng năm mươi ức năm. Sau khi đức Phật ấy diệt độ, có Phật ra đời tên là Ba La Mật Thiện Nhân Trang Nghiêm Vương, cũng thành Chánh Giác trong khu rừng lớn Ma Ni Hoa Chi Luân ấy. Khi đó, Đại Oai Quang đồng tử thấy đức Như Lai ấy thành Đẳng Chánh Giác, hiện sức thần thông, liền đắc Niệm Phật tam-muội, tên là Vô Biên Hải Tạng môn, liền đắc đà-la-ni tên Đại Trí Lực Pháp Uyên, liền đắc đại từ tên Phổ Tùy Chúng Sanh Điều Phục Độ Thoát, liền đắc đại bi tên Biến Phú Nhất Thiết Cảnh Giới Vân, liền đắc đại hỷ tên Nhất Thiết Phật Công Đức Hải Oai Lực Tạng, liền đắc đại xả tên Pháp Tánh Hư Không Bình Đẳng Thanh Tịnh, liền đắc Bát Nhã Ba La Mật tên Tự Tánh Ly Cấu Pháp Giới Thanh Tịnh Thân, liền đắc thần thông tên Vô Ngại Quang Phổ Tùy Hiện, liền đắc biện tài tên Thiện Nhập Ly Cấu Uyên, liền đắc trí quang tên Nhất Thiết Phật Pháp Thanh Tịnh Tạng. Mười ngàn pháp môn như thế, thầy đều thông đạt*”.

(Sớ) Sớ vị: Dĩ Niệm Phật tam-muội, Bồ Tát chi phụ, cố thủ minh chi.

(疏) 疏謂，以念佛三昧，菩薩之父，故首明之。

(Sớ: Lời Sớ ghi: “Do Niệm Phật tam-muội là cha của Bồ Tát nên nêu ra đầu tiên”).

Chữ “Sớ” [trong câu “Sớ vị”] chỉ bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao của Thanh Lương đại sư. Niệm Phật là cha của Bồ Tát, Liên Trì nói lời này là dựa theo bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao của Thanh Lương đại sư, chứ không phải là chính Ngài tùy tiện đặt ra, mà thật sự là có căn cứ.

(Diễn) Đồ tướng hoạch ích giả, Hoa Nghiêm vân: Đại Oai Quang thái tử, đồ Ba La Mật Thiện Nhân Trang Nghiêm Vương Như Lai thành Chánh Giác.

(演) 睹相獲益者，華嚴云：大威光太子，睹波羅蜜善眼莊嚴王如來成正覺。

(Diễn: “Thấy tướng đạt được lợi ích”: Kinh Hoa Nghiêm chép: “Thái tử Đại Oai Quang thấy Ba La Mật Thiện Nhân Trang Nghiêm Vương Như Lai thành Chánh Giác).

Thái tử thấy Phật thị hiện thành Đẳng Chánh Giác, thấy rồi liền được mười thứ lợi ích. Điều thứ nhất trong mười thứ lợi ích là....

(Diễn) Thủ tự Niệm Phật tam-muội, danh Vô Biên Hải Tạng môn, chung chí đắc trí quang minh, danh Nhất Thiết Phật Pháp Thanh Tịnh Tạng.

(演) 首自念佛三昧，名無邊海藏門，終至得智光明，名一切佛法清淨藏。

(Diễn: Đầu tiên là từ Niệm Phật tam-muội tên là Vô Biên Hải Tạng môn cho đến điều cuối cùng là đắc trí quang minh tên Nhất Thiết Phật Pháp Thanh Tịnh Tạng).

Ở đây nêu lên điều đầu tiên và điều cuối cùng, tinh lược tám điều kia.

(Diễn) Dĩ thể nhân quán đức nhân chi dung, thượng năng ý tiêu, hưởng kiến Phật diệu tướng, ninh bất đắc ích dã.

(演)以世人觀德人之容尚能意消，況見佛妙相，甯不得益也。

(Diễn: Do người đời nhìn thấy dung mạo của người có đức hạnh còn tiêu tan ý niệm [cần quấy], huống hồ trông thấy diệu tướng của Phật mà chẳng được lợi ích w?)

Người thế gian trông thấy phong thái oai nghi của người có đạo đức, có tu trì, trong tâm chúng ta đều có cảm xúc [ngưỡng mộ], huống hồ thấy Phật! Chúng ta trông thấy tướng hảo của người khác, thấy oai nghi tốt đẹp, tự nhiên nghiêm túc, kính cẩn, vọng niệm tiêu mất. Một người đạo đức trong thế gian còn có sức mạnh như thế, huống hồ chư Phật Như Lai? Vì vậy, Oai Quang đồng tử thấy Phật có thể đạt được lợi ích, chúng ta có thể tin tưởng điều này. Chỗ đặc biệt đáng được nhắc đến ở đây là “Niệm Phật tam-muội, Bồ Tát chi phụ” (Niệm Phật tam-muội là cha của Bồ Tát), dựa trên kinh Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư đã nêu tỏ ý nghĩa này. Bồ Tát muốn thành Phật thì trong vô lượng hạnh môn, nói thật ra, Niệm Phật là con đường tắt nhất. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy: Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, vị thiện hữu thứ nhất là tỳ-kheo Đức Vân, trong Tứ Thập Hoa Nghiêm gọi Ngài là tỳ-kheo Cát Tường Vân. Phạn văn ghi giống nhau, người phiên dịch khác nhau. Ngài Thật Xoa Nan Đà dịch là Đức Vân, tôn giả Bát Nhã dịch thành Cát Tường Vân. Ngài dạy Thiện Tài pháp môn Niệm Phật, đến cuối cùng Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

Bộ sách Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Biệt Hành Sớ Sao là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Lời Sớ do Thanh Lương đại sư viết, Sớ là chú giải kinh văn. Lời Sao do Tông Mật đại sư soạn, Sao là chú giải của lời chú giải (Sớ). Ngài Thanh Lương là tổ sư đời thứ tư của tông Hoa Nghiêm, ngài Tông Mật là đời thứ năm, là học trò của ngài Thanh Lương. Đây là bản chú giải có uy tín nhất của Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, nay chúng ta học kinh Hoa Nghiêm ắt phải lấy bản này làm căn cứ, chẳng thể đọc toàn bộ kinh Hoa Nghiêm thì đọc bản này là đủ rồi. Bản này là cô đọng của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, mà cũng là tinh hoa của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm. Vì thế, chúng tôi đặc biệt cho tái bản để lưu thông hòng cúng dường quý vị, hy vọng quý vị hãy quý tiếc, nghiêm túc nghiên cứu. Kinh Hoa Nghiêm đề xướng pháp môn Niệm Phật, đặc biệt là pháp môn niệm A Di Đà Phật. Do vậy, trong chương Oai Quang đồng tử này cũng nói giống như vậy.

(Sớ) Lương diêu Bồ Tát dĩ phương tiện vi phụ, niệm Phật tức Chân thiệp Sự, thị phương tiện cố.

(疏) 良繇菩薩以方便為父，念佛即真涉事，是方便故。

(Sớ: Ấy là vì Bồ Tát lấy phương tiện làm cha, niệm Phật chính là Chân mà đồng thời lại liên quan đến Sự, nên là phương tiện).

Đây cũng là điều thường được nói trong các kinh Đại Thừa: “*Bồ Tát dĩ Bát Nhã vi mẫu, phương tiện vi phụ*” (Bồ Tát lấy Bát Nhã làm mẹ, phương tiện làm cha). Kinh Bát Nhã thường nói: Hết thầy chư Phật Như Lai từ Bát Nhã mà sanh ra. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư mở miệng nói câu đầu tiên, liền bảo mọi người: “*Luôn niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa*”. Vì thế, Bát Nhã là mẹ của Phật. Phương tiện là Phương Tiện Bát Nhã, kinh Hoa Nghiêm giảng Thập Ba La Mật³, Bát Nhã Ba La Mật là nói về Thật Trí, Căn Bản Trí; Phương Tiện Ba La Mật là Quyền Trí, Hậu Đắc Trí. Trí huệ Bát Nhã ứng dụng trong cuộc sống thường ngày thì là Phương Tiện Trí. Chúng ta ứng dụng Bát Nhã Ba La Mật Đa vào chuyện thường ngày: Ăn cơm, mặc áo, đãi người, tiếp vật, nó biến thành Phương Tiện Ba La Mật. Có Thể mà không có Dụng thì Bát Nhã không có ý nghĩa gì, thiếu giá trị! Vì vậy, vừa có Thể vừa có Dụng. Hơn nữa, Dụng [của Bát Nhã Ba La Mật Đa] không chỉ là Phương Tiện, nhưng tác dụng Phương Tiện lớn nhất, phía sau [Phương Tiện Bát Nhã] còn có Nguyên, Lục, Trí. Bốn thứ này đều gọi là Quyền Trí, đều gọi là Hậu Đắc Trí. Chúng ta niệm Phật, có phù hợp với Phương Tiện Ba La Mật như trong kinh Đại Thừa đã nói hay không? Phù hợp! Vì niệm Phật chính là Chân mà đồng thời lại liên quan đến Sự.

(Diễn) Lương do hạ.

(演) 良由下。

(Diễn: Từ chữ “ấy là vì” trở đi).

Nói về câu “*lương do Bồ Tát dĩ phương tiện vi phụ, niệm Phật tức Chân thiệp Sự, thị phương tiện cố*”.

³ Thập Ba La Mật là Đàn Na Ba La Mật (Bồ Thí Ba La Mật), Thi La Ba La Mật (Trì Giới Ba La Mật), Sạn Đề Ba La Mật (Nhân Nhục Ba La Mật), Tỳ Lê Da Ba La Mật (Tinh Tấn Ba La Mật), Thiên Na Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, Phương Tiện Ba La Mật, Nguyên Ba La Mật, Lục Ba La Mật, và Trí Ba La Mật.

(Diễn) Thị minh dĩ niệm Phật vi phụ.

(演) 是明以念佛為父。

(Diễn: Nhằm giảng rõ ý “lấy niệm Phật làm cha”).

“Minh” là thuyết minh, nói rõ vì sao phải nói niệm Phật là cha của Bồ Tát.

(Diễn) Cái hữu nhị nghĩa: Nhất phương tiện nghĩa, nhị thân chủng nghĩa.

(演) 蓋有二義：一方便義，二親種義。

(Diễn: Là vì có hai ý nghĩa: Một là nghĩa phương tiện, hai là nghĩa đích thân trao truyền, thật sự gieo trồng).

Trong pháp môn Niệm Phật có đủ hai ý nghĩa này. Trước hết, hãy nói về phương tiện.

(Diễn) Tịnh Danh vân: “Trí Độ Bồ Tát mẫu, phương tiện dĩ vi phụ”.

(演) 淨名云：智度菩薩母，方便以為父。

(Diễn: Kinh Tịnh Danh nói: “Trí Độ là mẹ của Bồ Tát, phương tiện là cha”).

Tịnh Danh chính là Duy Ma Cật Kinh, trong kinh có hai câu như vậy.

(Diễn) Nhi kim tức dĩ diệu tâm, duyên lịch danh hiệu, chánh thị tối thắng phương tiện, cố vi phụ dã.

(演) 而今即以妙心，緣歷名號，正是最勝方便，故為父也。

(Diễn: Nay dùng ngay diệu tâm để duyên theo danh hiệu, đây chính là phương tiện tối thắng, cho nên [phương tiện] là cha vậy).

Sở dĩ Niệm Phật thật sự là phương tiện môn vì nó tương ứng với tự tánh và có thể tương ứng với chư Phật Như Lai. Ở chỗ này, chúng ta phải chú ý câu “dĩ diệu tâm duyên lịch danh hiệu” (dùng diệu tâm để duyên theo danh hiệu), hãy chú trọng chữ “diệu tâm”. Cái tâm niệm Phật hiện tại của chúng ta chẳng diệu; do vậy, chẳng dễ gì duyên theo Phật hiệu để

thành tựu nhất tâm bất loạn. Nếu quý vị dùng diệu tâm, sẽ đắc nhất tâm bất loạn chẳng khó, đúng như kinh này đã nói: “*Nhược nhất nhật đáo nhược thất nhật*” (hoặc một ngày cho đến bảy ngày), không ai chẳng thành tựu! Nếu quý vị chẳng dùng diệu tâm, niệm suốt đời cũng chẳng thể thành tựu. Vì vậy, chữ này là chữ trọng yếu, mấu chốt [trong đoạn văn trên đây]. Vì sao tâm chúng ta không diệu? Vì chúng ta dùng tâm vọng tưởng, cái tâm ấy chẳng diệu. Suốt ngày từ sáng đến tối thời thời khắc khắc phân biệt, chấp trước, khởi vọng tưởng, dùng cái tâm ấy để niệm Phật, làm sao thành tựu nhất tâm bất loạn cho được? Diệu tâm là gì? Chuyển bất diệu thành diệu. Trong hết thấy cảnh giới, Phật pháp thường nói là “*cảnh duyên*”, “*cảnh*” là hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa người và người), bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, chúng ta đều chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, tâm ấy là diệu. Lục Tổ nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”. Cái tâm ấy chính là diệu tâm. Có thể dùng cái tâm ấy để niệm Phật, người lợi căn có thể đắc nhất tâm trong một ngày; nếu là căn tánh trì độn, bảy ngày cũng nhất định có thể chứng đắc. Vì vậy, hiện thời chúng ta dụng công [mà chẳng thành tựu là do] dùng cái tâm chưa đúng. Cách tu diệu tâm chúng tôi cũng đã nói rất nhiều rồi, trong cuốn Sớ Sao Diễn Nghĩa này, trong phần sau còn không ngừng nêu ra vấn đề này, hy vọng mọi người phải lưu ý, phải từ trong cảnh giới mà thấu hiểu, rèn luyện. Lại xem tiếp ý nghĩa thứ hai...

(Diễn) Thân chủng giả, thân truyền, chân chủng.

(演) 親種者，親傳真種。

(Diễn: “Thân chủng” là đích thân truyền trao, thật sự gieo trồng).

Chúng ta niệm Phật là [gieo] chủng tử thành Phật [vào tâm thức]. Quý vị niệm một câu Phật hiệu, nghĩ đến danh hiệu Phật, hoặc nghĩ đến tượng Phật, sẽ gieo chủng tử vào trong A Lại Da Thức, chủng tử gì vậy? Chủng tử Phật. Trong A Lại Da Thức của chúng ta vốn sẵn trọn đủ chủng tử của mười pháp giới, cái nào mạnh nhất, có sức mạnh mẽ nhất thì sẽ thọ báo trước. Chúng ta đã mong làm Phật, phải không ngừng tăng trưởng chủng tử thành Phật, những chủng tử khác sẽ bị tiêu trừ. Nói cách khác, những ý niệm lục đạo, Nhị Thừa nhất định chẳng dấy lên, chẳng khởi lên những ý niệm ấy, đoạn những duyên lục đạo và Nhị Thừa. Tuy có chủng tử, nhưng chúng chẳng khởi hiện hành. Nếu kết nhiều những chủng tử và các duyên Phật, Bồ Tát thì gọi là “*ức Phật, niệm Phật*”. “*Ức*” (憶) là tâm

thường tưởng. Chúng ta đọc kinh cũng là “*ức Phật*”, đọc kinh là tiếp xúc với Phật, là nghe Phật thuyết pháp. Đây là thân cận Như Lai, huân tập chánh pháp, đó là “*ức Phật*”. Khi chẳng đọc kinh bèn niệm Phật. “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Đó là “*thân truyền, chân chủng*”.

(Diễn) Nhi kim tức niệm bỉ Phật, thành ngã tự Phật.

(演) 而今即念彼佛，成我自佛。

(Diễn:) Nhưng nay do niệm đức Phật kia mà thành tựu vị Phật của chính mình).

Vì sao phải niệm Phật? Do đạo lý như vậy đó!

(Diễn) Tức niệm bản Phật, thành kim thi Phật.

(演) 即念本佛，成今始佛。

(Diễn:) Do niệm Bản Phật mà nay thành tựu Thi Giác Phật).

“*Niệm bỉ Phật*” là niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, “*thành tự Phật*” là chính mình thành Phật. Niệm lâu ngày chính mình sẽ biến thành A Di Đà Phật, biến thành Vô Lượng Giác. A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác. Niệm cho ra cái chân tâm, diệu tâm của chính mình. “*Tức niệm bản Phật*”: Bản Phật là Bản Sư, Bản Sư của thế giới Cực Lạc là A Di Đà Phật, Niệm Bản Sư Phật để thành tựu Thi Giác Phật của chính mình.

(Diễn) Chánh thị thân truyền chân chủng, cố vi phụ dã.

(演) 正是親傳真種，故為父也。

(Diễn:) Đây chính là đích thân truyền trao, thật sự gieo trồng, nên là cha vậy).

Nói rõ đạo lý này! Nếu chẳng thật sự hiểu đạo lý này, chúng ta niệm Phật hiệu sẽ hoài nghi: Vì sao ta phải niệm? Niệm thì có gì tốt đẹp nhỉ? Ta chẳng niệm Phật, mà niệm “một, hai, ba, bốn, năm” thì có khác gì hay chẳng? Vì sao nhất định phải niệm Phật? Nói rõ đạo lý niệm Phật là ở chỗ này. Tiếp theo đó, lại nói niệm Phật là phương tiện, hễ dính dáng đến Sự thì là phương tiện.

(Diễn) Túc Chân thiệp Sự giả, niệm thể bản Không, tác niệm xứ tức Chân.

(演) 即真涉事者，念體本空，則念處即真。

(Diễn: “Túc Chân thiệp Sự”: Bản thể của niệm vốn là Không nên niệm xứ chính là Chân).

“Bản Không” là nói về tâm, tức là “diệu tâm” như đã nói trong đoạn trên. Cái tâm hiện tại của chúng ta chẳng diệu, vì trong tâm chúng ta là có, chẳng phải không, trong tâm có quá nhiều những thứ tạp nhạp, vướng mắc ruột gan. Thật ra, quý vị vướng mắc nhiều thứ quả thật rất oan uổng, vì sao? Chúng không có! Chỉ là một vọng niệm mà thôi! Những thứ quý vị vướng mắc đều chẳng chân thật! Kinh Kim Cang nói rất hay: “Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”. Tướng cảnh giới bên ngoài đều là hư vọng, trong tâm quý vị hằng ngày vướng mắc những vọng tưởng, đấy là hư vọng, chẳng chân thật. Chúng được gọi chung là vọng tưởng, “vọng” (妄) là chẳng thật, trong Chân chẳng có vọng. Chân tâm là không tịch. Chúng ta niệm Phật thì phải dùng chân tâm để niệm, “*niệm Thể bản Không*” (bản thể của niệm vốn là Không); do vậy, “*niệm xứ tức Chân*”. Cái tâm niệm Phật của chúng ta là chân tâm, là Chân Như, là bản tánh.

(Diễn) Bất phương niệm Phật.

(演) 不妨念佛。

(Diễn: Chẳng trở ngại niệm Phật).

Niệm Phật là Sự, Sự là giả, cái tâm năng niệm là chân, đức Phật được niệm là giả. Chân chẳng trở ngại giả, giả cũng chẳng trở ngại chân, xác thực là chẳng trở ngại!

(Diễn) Tác bất ngại thiệp Sự, tức Chân nhi bất thiệp Sự, thị Lý phi phương tiện. Thiệp Sự nhi bất tức Chân, thị hữu vi chi pháp, dữ vô vi cách, diệc phi phương tiện. Kim tức Chân nhi phục thiệp ư Sự, thị danh phương tiện dã.

(演) 則不礙涉事。即真而不涉事，是理非方便，涉事而不即真，是有為之法，與無為隔，亦非方便。今即真而復涉於事，是名方便也。

(Diễn: Cho nên chẳng ngại dính dáng đến Sự. Nếu chỉ là Chân mà chẳng dính dáng đến Sự thì là Lý, không phải là phương tiện. Nếu dính dáng đến Sự mà chẳng phải là Chân, sẽ là pháp hữu vi, cách biệt với pháp vô vi, nên cũng chẳng phải là phương tiện. Nay vừa là Chân mà còn dính dáng nơi Sự thì gọi là phương tiện).

Đây là nhằm giải thích niệm Phật vì sao mang ý nghĩa phương tiện trong kinh Đại Thừa, nói rõ ra. Ứng dụng nguyên lý và nguyên tắc này, cảnh giới [niệm Phật] ấy hết sức rộng lớn. Học Phật, căn tánh Viên Giáo và Biệt Giáo khác nhau. Căn tánh nhạy bén nhất là viên đốn, thành tựu dễ dàng. Vì sao? So ra, trong hết thảy cảnh giới, người ấy có thể thấy thấu suốt, buông xuống, không chấp trước quá mức. Vì thế, dễ dàng tiếp xúc pháp Nhất Thừa của Viên Giáo. Tạng, Thông, Biệt đều chẳng dễ dàng, vì sao? Họ cố chấp, đương nhiên cũng có mặt tốt, cũng có mặt rất đáng kính, nhưng khó thể tu học pháp môn viên đốn. [Tu học theo pháp môn] viên đốn sẽ nhanh chóng, thành tựu trong một đời! Căn tánh thuộc Tạng, Thông, Biệt theo đúng quy củ, thành tựu chậm chạp. Có khi quý vị thấy người căn tánh viên đốn không hợp quy củ, nhưng đích xác là thành tựu rất nhanh, vì sao? Lý Sự viên dung.

“*Tức Chân nhi bất thiệp Sự*”: Chỉ là Chân, chẳng dính đến Sự, “*thị Lý phi phương tiện*” (thì là Lý, chẳng phải là phương tiện). Nói cách khác, có Thể mà chẳng có Dụng; phương tiện là Dụng, là tác dụng. Cái Thể chân thật, có Thể mà không có Dụng cho nên chẳng Viên, không có cách gì nhập đạo, rất khó khăn. “*Thiệp Sự nhi bất tức Chân*”: Người ấy tách rời Lý và Sự, Thể và Dụng thành hai bên, tức là có Dụng mà chẳng có Thể. “*Thiệp Sự*” (dính dáng tới Sự) là có Dụng, “*nhi bất tức Chân*” (nhưng chẳng phải là Chân): Không có Thể, đó cũng là sai! Đây là pháp hữu vi; pháp hữu vi là pháp thế gian, có chướng ngại đối với pháp vô vi, có ngăn cách, đều chẳng phải là pháp phương tiện. Pháp phương tiện được nói trong Phật pháp chính là Thể và Dụng như một, Lý và Sự chẳng hai! Vừa có Thể vừa có Dụng, vừa có Lý vừa có Sự, Sự chính là Lý, Lý chính là Sự, Thể chính là Dụng, Dụng chính là Thể, đó mới gọi là phương tiện. Chúng ta muốn học thì phải học đạo lý này.

Chúng tôi nói chuyện này cụ thể hơn một chút, để hiểu minh bạch hơn một chút thì Thể là gì? Thể là tâm thanh tịnh. Dụng là gì? Chính là chúng ta ăn cơm, mặc áo, đãi người, tiếp vật, nói đến tu hành tức là tu cái tâm thanh tịnh trong lúc ăn cơm, mặc áo, đãi người, tiếp vật mà thôi! Thanh tịnh, từ bi, bình đẳng trong lúc mặc áo, ăn cơm, đãi người, tiếp vật,

học điều này! Ở đây, lấy tâm bình đẳng làm cơ sở, tâm bình đẳng chính là trực tâm trong Bồ Đề tâm. Nói “trực tâm” thì sẽ không khó hiểu cho lắm! Trên cùng với chư Phật, dưới cùng với hết thảy chúng sanh, hữu tình và vô tình thấy đều bình đẳng. Trong ấy, chắc chắn không có cao - thấp, lấy tâm này làm cơ sở.

Tự Thụ Dụng là thanh tịnh, Tha Thụ Dụng là từ bi. Đối đãi với người khác một niềm từ bi, chắc chắn là lòng từ bi bình đẳng. Từ bi chẳng trở ngại thanh tịnh, thanh tịnh và bình đẳng là một Thể, từ bi là khởi tác dụng, là ứng dụng nơi Sự. Người thế gian gọi tâm từ bi là lòng yêu thương, vì sao Phật pháp chẳng gọi từ bi là ái? Sợ quý vị mê muội! Lòng yêu thương xuất phát từ tâm bình đẳng, từ tâm thanh tịnh, bèn được đổi tên, gọi nó là “tâm từ bi”, mang ý nghĩa như thế đó. Tâm yêu thương bình thường của phàm nhân sanh từ cảm tình, đó là sai lầm, nó có Dụng, nhưng thiếu Thể. Nếu tác dụng ấy lại đồng thời có Thể thì ta chẳng gọi Dụng ấy là Ái mà thay bằng danh từ “từ bi”. Thật ra, từ bi là ái, ái là từ bi, nhưng điểm xuất phát khác nhau, một đẳng sanh từ tâm thanh tịnh, một đẳng sanh từ tâm ô nhiễm. Sanh từ tâm ô nhiễm thì gọi là ái, sanh từ tâm thanh tịnh thì gọi là từ bi.

Lại nói rõ hơn một chút, lòng từ bi sanh từ cái tâm thanh tịnh là chân ái. Vì sao? Nó chẳng biến đổi, là thật! Vì tâm thanh tịnh bình đẳng là chân tâm, chân tâm khởi tác dụng chân thật. Ái tâm (tâm yêu thương) sanh từ tình thức là giả, vì sao? Nó có thể biến đổi. Cha con cũng như vậy, cha đối với con cái lúc nhỏ rất mực yêu thương, khi con khôn lớn [cảm thấy] chán ghét khôn ngần! Tâm biến đổi rồi, chẳng yêu thương nữa. Lòng yêu thương ấy là giả, chẳng thật. Đối với hết thảy chúng sanh, tâm ái của Phật, Bồ Tát là thật, quyết định chẳng biến đổi. Quý vị cung kính Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát đối với quý vị từ bi. Quý vị hủy báng, nhục mạ, tổn hại các Ngài, các Ngài vẫn từ bi đối với quý vị, chẳng thay đổi. Chẳng thay đổi thì là thật, hễ có thay đổi sẽ là giả!

Trước khi đắc Chánh Định Tự, chúng ta luôn dùng cái tâm hư tình giả ý, dối mình, gạt người, khi nào sẽ dùng chân tâm? Từ trước đến nay chưa hề dùng! Cho dù quý vị nói thật lòng như thế nào, hai ngày sau sẽ thay đổi, chính mình phải hiểu: Bất cứ ai nói họ thật lòng, chúng ta cũng đừng nên tin, đừng để họ gạt. Bản thân chúng ta nói “tôi dùng chân tâm đối với người khác”, chúng ta biết chính mình đang tự lừa dối mình, vì cái tâm ấy khó thể tin cậy được, nó biến đổi. Nhập Chánh Định Tự rồi mới chẳng biến đổi, quý vị mới sử dụng chân tâm. Vì thế, Thể - Dụng, Lý - Sự

nhất định phải phân biệt rõ ràng. Đó là ý nghĩa phương tiện trong Phật pháp.

(Diễn) Hựu phục Chân vị chân lý, Sự vị niệm Phật.

(演) 又復真謂真理，事謂念佛。

(Diễn: Lại nữa, Chân là chân lý, Sự là niệm Phật).

Nếu lại nói điều này theo pháp môn Niệm Phật thì...

(Diễn) Tức Chân thiệp Sự giả, vị tuy tức quán Lý, nhi lịch niệm Phật, Sự dã.

(演) 即真涉事者，謂雖即觀理，而歷念佛事也。

(Diễn: “Tức Chân thiệp Sự” là tuy quán Lý, nhưng về mặt Sự vẫn luôn niệm Phật).

Quán là Lý, niệm Phật là Sự.

(Diễn) Thử ư phụ pháp thác Sự tùng hành, tam chủng Quán trung, chánh thị tùng hành lịch Sự quán Lý dã.

(演) 此於附法託事從行，三種觀中，正是從行歷事觀理也。

(Diễn: Đây chính là dựa trên pháp để hành theo mặt Sự. Trong ba thứ Quán, đây chính là cách hành theo mặt Sự để quán Lý).

Đây là ý nghĩa phương tiện chân chánh trong pháp môn tu hành. Ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với câu “*tức dĩ diệu tâm, duyên lịch danh hiệu*” (liền dùng diệu tâm duyên nơi danh hiệu) trong phần trước, chỉ là nói cặn kẽ hơn một chút. Diệu tâm là quán Lý, Lý là Thể, Thể là không, tịch, linh, minh. Niệm Phật là Sự, từ Sự mà quán Lý, Lý - Sự bất nhị. Cách quán như thế nào? Tu Quán phải tự nhiên, đừng nên miễn cưỡng, mà cũng đừng cố ý. Hễ miễn cưỡng hay cố ý sẽ bị chướng ngại. Trong khi tâm chúng ta vừa khởi lên vọng tưởng, vừa nhận biết chính mình có vọng tưởng, liền ngay lập tức chuyển nó thành Phật hiệu, A Di Đà Phật. Đó là Quán, là Giác. Trong Giác có Quán. Quán gì vậy? Quý vị ắt phải hiểu giáo nghĩa. Chẳng hiểu giáo nghĩa, sẽ có Giác mà không có Quán! Hiểu được giáo nghĩa, trong ấy sẽ có cả Giác lẫn Quán. Hiểu rõ giáo nghĩa: Một câu Nam-mô A Di Đà Phật là Quy Y Vô Lượng Giác, giác chứ không mê!

Giác tâm là thanh tịnh, giác tâm chẳng có một vật, khi ấy sẽ vừa có Giác vừa có Quán.

Tuy có Giác, có Quán, câu Phật hiệu vẫn rành rẽ phân minh, chẳng có gián đoạn! Trong ấy vừa có Sự vừa có Lý, Lý chẳng ngại Sự, Sự chẳng ngại Lý, sẽ thành Lý Sự vô ngại pháp giới như trong kinh Hoa Nghiêm. Do một niệm có thể biến ra hết thấy sự tướng, thấy toàn thể vũ trụ và nhân sinh, không có một pháp nào chẳng phải là như thế, mà pháp nào cũng đều là [như thế], Lý Sự bất nhị, Lý Sự vô ngại. Trong khi ấy, quý vị nhất định có chỗ ngộ, ý nghĩa là như vậy đó! Thật ra, cảnh giới của kinh này chẳng phải chỉ có vậy, nếu nâng cao hơn nữa sẽ thành Sự Sự vô ngại. Lý Sự đã thuần thực, thấu tỏ rồi, bèn nhập Sự Sự vô ngại. Bất luận trong cảnh duyên nào, dù là hoàn cảnh vật chất hay hoàn cảnh nhân sự, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, tâm quý vị vĩnh viễn thanh tịnh, tuyệt đối chẳng bị ngoại cảnh xoay chuyển. Chẳng bị cảnh chuyển thì mới có thể chuyển cảnh, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Nhược năng chuyển cảnh, tác đồng Như Lai”* (Nếu có thể chuyển cảnh sẽ giống như Như Lai). *“Giống Như Lai”* chính là Pháp Thân đại sĩ. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ cách tu này và cảnh giới của nó thì đối với việc niệm Phật cầu nhất tâm bất loạn, đích xác chẳng phải là chuyện khó. Nếu chẳng hiểu rõ đạo lý này, chẳng hiểu cảnh giới này, chúng ta siêng khổ niệm Phật suốt đời, niệm đến mức công phu thành phiền thì còn có thể được, chứ niệm đến nhất tâm bất loạn sẽ khó lắm! Chúng ta phải thường đọc tụng Di Đà Kinh Sớ Sao và Yếu Giải, quả thật những tác phẩm ấy sẽ giúp cho chúng ta đạt đến nhất tâm bất loạn trong một đời này. Không chỉ chính mình chắc chắn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà còn có thể nâng cao phẩm vị. Vì thế, những tác phẩm ấy có vô lượng công đức.

(Sớ) Thập Địa thí chung giả, Thập Địa văn trung, từng sơ chỉ mật, địa địa giai vân “nhất thiết sở tác bất ly niệm Phật”. Hựu vân: Viễn Hành Địa Bồ Tát, tuy tri nhất thiết quốc độ do như hư không, nhi năng dĩ thanh tịnh diệu hạnh trang nghiêm Phật độ.

(疏)十地始終者，十地文中，從初至末，地地皆云一切所作不離念佛。又云：遠行地菩薩，雖知一切國土猶如虛空，而能以清淨妙行莊嚴佛土。

(Sớ: “Mười Địa từ đầu đến cuối”: Trong kinh văn của phẩm Thập Địa [kinh Hoa Nghiêm], từ Địa đầu tiên đến Địa cuối cùng, Địa nào cũng đều nói “hết thấy việc làm chẳng rời niệm Phật”. Kinh lại nói: Viễn Hành

Địa Bồ Tát tuy biết hết thủy côi nước giống như hư không, nhưng có thể dùng diệu hạnh thanh tịnh để trang nghiêm cõi Phật).

Đây là dẫn kinh văn từ phẩm Thập Địa trong kinh Hoa Nghiêm. Từ Sơ Địa, Sơ Địa là Hoan Hỷ Địa, cho đến Địa cuối cùng, tức Địa thứ mười là Pháp Vân Địa Bồ Tát, chúng ta thường gọi những vị Bồ Tát này là Ma Ha Tát. Những vị Bồ Tát được gọi là Địa Tiên chính là những người thuộc các địa vị trước khi chứng Sơ Địa. Đây là các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Địa Thượng Bồ Tát là từ Sơ Địa trở lên, được gọi là Ma Ha Tát, đây là đại Bồ Tát. Những vị Bồ Tát này không một ai chẳng niệm Phật. “*Địa địa giai vân nhất thiết sở tác bất ly niệm Phật*” (Địa nào cũng đều nói hết thủy việc làm đều chẳng rời niệm Phật); đủ thấy tánh chất trọng yếu và thù thắng của pháp môn Niệm Phật.

“*Hựu vân*” (lại nói), Viễn Hành Địa là Địa thứ bảy. Công phu của Thất Địa Bồ Tát bất phàm. Bát Địa là Bất Động Địa. Thất Địa Bồ Tát thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Từ kinh Nhân Vương, chúng ta thấy có Ngũ Nhẫn Bồ Tát⁴. Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nếu nói lỏng tiêu chuẩn một chút, chúng ta nói bậc Sơ Trụ minh tâm kiến tánh mới chứng đắc [Vô Sanh Pháp Nhẫn]; còn nói nghiêm ngặt thì Viễn Hành Địa Bồ Tát mới là thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Ngài biết “*nhất thiết quốc độ do như hư không*” (hết thủy côi nước giống như hư không), tức là như kinh Kim Cang đã nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Ngài không chỉ chẳng mảy may lưu luyện ngũ dục lục trần trong thế gian này, chẳng có mảy may tiêm nhiễm, mà đối với các cõi nước thanh tịnh do chư Phật đã hiện cũng chẳng

⁴ Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa nói tới Ngũ Nhẫn Bồ Tát như sau:

1. Phục Nhẫn: Đây là pháp nhẫn được chứng bởi các Bồ Tát thuộc những địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, chưa đoạn chủng tử phiền não, nhưng đã chế ngự được phiền não, chẳng cho chúng hiện hành.
2. Tín Nhẫn: Pháp nhẫn của Sơ Địa cho đến Tam Địa Bồ Tát. Đã thấy pháp tánh, đạt được chánh tín.
3. Thuận Nhẫn: Pháp nhẫn của Bồ Tát từ Tứ Địa cho đến Lục Địa, thuận theo Bồ Đề đạo, hướng đến quả Vô Sanh.
4. Vô Sanh Nhẫn: Pháp nhẫn của bậc Bồ Tát từ Thất Địa cho đến Cửu Địa, ngộ nhập lý Vô Sanh nơi các pháp.
5. Tịch Diệt Nhẫn: Pháp nhẫn của Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác, đoạn sạch các Hoặc, chứng Niết Bàn tịch diệt.

tiêm nhiệm, vì sao? Trong mắt Ngài, thế giới Tây Phương Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng và thế giới Sa Bà của chúng ta chẳng hai, chẳng khác, vì sao? Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng! Thế giới Sa Bà là hư vọng, thế giới Cực Lạc cũng là hư vọng, thế giới Hoa Tạng cũng là hư vọng. Hư vọng và hư vọng bình đẳng, chẳng có sai biệt, tâm các Ngài thanh tịnh lắm!

Ngài trang nghiêm cõi Phật như thế nào? Báo ân Phật như thế nào? Vẫn là dùng thanh tịnh diệu hạnh. Thanh tịnh diệu hạnh là niệm Phật! Vẫn chẳng bỏ pháp môn Niệm Phật, vẫn chẳng bỏ ý niệm vãng sanh thế giới Tây Phương. Đó là bậc đại Bồ Tát thị hiện khuôn mẫu cho chúng ta thấy. Không chỉ Viễn Hành Địa Bồ Tát là như thế, mà qua kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy Đại Thế Chí Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, trong chương Hai Mười Lăm Pháp Viên Thông, Ngài đã thị hiện rõ ràng: Đẳng Giác Bồ Tát vẫn là “*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đại Thế Chí Bồ Tát niệm Phật, chúng ta hãy suy nghĩ xem Quán Thế Âm Bồ Tát có niệm Phật hay không? Đương nhiên niệm Phật! Văn Thù, Phổ Hiền càng chẳng cần phải nói nữa. Trong kinh Hoa Nghiêm đã có kinh văn nói rõ chuyện này! Những vị Bồ Tát ấy niệm Phật hồi hướng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta hãy suy nghĩ: Đẳng Giác Bồ Tát còn phải niệm Phật cầu vãng sanh, thân phận chúng ta là như thế nào, chúng ta là hạng người gì, do lẽ nào mà chẳng niệm Phật?

(Diễn) Năng dĩ thanh tịnh diệu hạnh trang nghiêm Phật độ giả, tri Không, bất trước Không, thị danh vi Chân Không.

(演)能以清淨妙行莊嚴佛土者，知空不著空，是名為真空。

(Diễn: “Có thể dùng diệu hạnh thanh tịnh để trang nghiêm cõi Phật”: Biết Không, chẳng chấp vào Không, nên gọi là Chân Không).

Nếu chấp trước Không thì sai lầm. Nói nghiêm ngặt, Phật pháp là phá chấp trước. Phàm phu chấp trước Có, đức Phật thường nói Không, phá trừ chấp trước Có của chúng ta. Hàng Nhị Thừa chấp trước Không, đức Phật thuyết pháp cho họ điều gì cũng nói Có nhằm phá trừ sự Chấp Không của họ. Vì sao đức Phật lúc thì nói Không, khi thì nói Có? Giống như tự mình mâu thuẫn! Thật ra, chẳng phải vậy, nhằm phá chấp trước mà thôi! Đức Phật có thuyết pháp hay không? Đức Phật không thuyết pháp! Quý vị chấp trước Có, đức Phật nói Không để phá trừ sự chấp Có của quý vị. Sau khi đã phá trừ, cái Không ấy cũng chẳng còn! “Không” chính là

một thủ đoạn để phá trừ sự chấp trước của quý vị. Quý vị chẳng chấp trước thì Không cũng chẳng có! Thế nhưng căn bệnh của chúng ta thường là nếu chẳng chấp vào một chuyện nào đó sẽ chẳng được! Hiện thời, chúng ta chấp Có, đức Phật nói Có là giả, là hư huyền, đừng chấp trước! Chúng ta bèn chấp trước Không! Chẳng chấp bên này, bèn chấp vào bên kia. Đức Phật dạy cả hai bên đừng chấp trước thì mới là Trung Đạo, quý vị lại chấp trước Trung Đạo, luôn là lầm lạc! Trung Đạo cũng không có, đều là bất đắc dĩ mà kiến lập đó thôi!

Phật pháp từ đầu đến cuối không gì chẳng nhằm phá chấp mà thôi! Nhất định phải hiểu rõ Chân Đế, chân lý này, đó gọi là Phật pháp. Hễ có chấp trước là sai, không có chấp trước là đúng. Hết thấy đều chẳng chấp trước thì là Phật. Nếu quý vị chấp trước “ta hết thấy đều chẳng chấp trước” thì quý vị vẫn là phàm phu, còn có chấp trước. Do vậy, nói đến chỗ chân thật này, đích xác là “ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xir diệt”, chẳng thể mở miệng được! Mở miệng liền sai, động niệm ắt trật! Khi chẳng chấp trước hết thấy, quyết định chẳng động niệm. Hễ động niệm bèn chấp trước; do vậy, kinh thường nói: “Khai khẩu tiện thác, động niệm tức quai” (mở miệng liền trật, khởi niệm liền sai).

(Diễn) Tịnh Danh vân: “Tuy tri chư Phật quốc cập dữ chúng sanh Không”.

(演) 淨名云：雖知諸佛國及與眾生空。

(Diễn: Kinh Tịnh Danh dạy: “Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh đều là Không”).

Cõi nước và chúng sanh, hữu tình và vô tình, Sự có, Lý không, tướng có, tánh không!

(Diễn) Nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa u chúng sanh. Thử chứng Thất Địa niệm Phật vãng sanh dã.

(演) 而常修淨土，教化於眾生，此證七地念佛往生也。

(Diễn: Nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa các chúng sanh. Đây là sự niệm Phật vãng sanh của bậc đã chứng Thất Địa).

Câu này trích dẫn kinh văn để chứng minh Thất Địa Bồ Tát niệm Phật vãng sanh. Thất Địa Bồ Tát biết thế giới, chúng sanh, quốc độ đều là

huyễn hóa, chẳng chân thật, Ngài thật sự chứng đắc Thật Tướng của các pháp, [Thật Tướng] là tướng chân thật của hết thảy các pháp, nhưng vẫn chẳng bỏ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Hướng chi nay chúng ta là những kẻ còn đang mê, chưa chứng đắc Thật Tướng của các pháp, càng phải nên niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Chỉ có đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi mới có thể chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, mới có thể viên thành Phật đạo. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!